

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13.01.2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yên Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hải**

2. Bà **Phan Thị Hồng Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2020/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2020/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1959

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1961

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Long An

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/9/2020 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày như sau: Bà và ông H cưới nhau năm 1976, hôn nhân do mai mối, sau đó đã đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, có tính gia trưởng, vũ phu nên có việc gì không vừa ý là sẵn sàng đánh đập, hành hạ bà; ngoài ra ông H còn có quan hệ tình cảm lãng nhãng với người phụ nữ khác. Tuy nhiên do các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng và hy vọng theo thời gian ông H sẽ thay đổi tính tình nhưng đến nay ông H vẫn không thay đổi. Từ tháng 8 năm 2020 vì không chịu đựng nổi sự hành hạ của ông H nữa nên bà trốn về sống tại nhà em ruột của bà và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1985 đều đã trưởng thành nên bà P không có yêu cầu gì về con chung.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Bà P và ông H cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa bà P yêu cầu được ly hôn với ông H vì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết để tiếp tục chung sống hạnh phúc.

[2.3] Xét thấy ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham dự phiên tòa từ đó cho thấy ông H cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà P để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[2.4] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1985 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về chia tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH

**Thành Viên
Hội Đồng Xét Xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến Trinh

